BỘ Y TẾ
CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Số: 60 /QĐ-ATTP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
Về việc chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

CỤC TRƯỞNG CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17 tháng 6 năm 2010 và Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 20/2013/TTLT-BYT-BCT-BNNPTNT ngày 01/8/2013 của Bộ Y tế - Bộ Công Thương - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước;

Xét hồ sơ đăng ký chỉ định cơ sở kiểm nghiệm thực phẩm của Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, Biên bản đánh giá tại cơ sở kiểm nghiệm và hồ sơ khắc phục cơ sở kiểm nghiệm sau đánh giá của Công ty;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Tiêu chuẩn và Kiểm nghiệm,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chỉ định Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật tài nguyên và môi trường, địa chỉ 236 Đường Võ Nguyên Hiến, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An thực hiện kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với các chỉ tiêu kỹ thuật trong Danh mục chỉ tiêu được chỉ định kèm theo Quyết định này.

Mã số cơ sở kiểm nghiệm: **59/2019/BYT-KNTP**

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực ba (03) năm, kể từ ngày ký.

Điều 3. Công ty TNHH 1TV Kỹ thuật tài nguyên và môi trường có trách nhiệm thực hiện công tác kiểm nghiệm thực phẩm phục vụ quản lý nhà nước khi có yêu cầu và phải tuân thủ các quy định và hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- TT. Trương Quốc Cường (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c);
- Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Chi cục ATVSTP các tỉnh/thành phố trực thuộc TƯ;
- Lưu: VT, KN

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG

CỤC AN TOÀN THỰC PHẨM

Lê Văn Giang

DANH MỤC CHỈ TIÊU ĐƯỢC CHỈ ĐỊNH

(Kèm theo Quyết định số 60.../QĐ-ATTP ngày 17... tháng 02 năm 2020 của Cục An toàn thực phẩm)

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)
1.	Xác định độ pH	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6492:2011	2-12
2.	Xác định tổng canxi và magie – phương pháp chuẩn độ EDTA		TCVN 6224:1996	2 mg/l
3.	Xác định độ đục		TCVN 6184:2008	0-4.000 NTU
4.	Xác định hàm lượng Nitrit – phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử		TCVN 6178:1996	0,04 mg/l
5.	Xác định hàm lượng Nitrat – phương pháp trắc phổ dùng acid sunfosalixylic		TCVN 6180:1996	0,2 mg/l
6.	Xác định hàm lượng Photphat - phương pháp đo phổ dùng amoni molipdat		TCVN 6202:2008	0,04 mg/l
7.	Xác định hàm lượng sunfua hòa tan - Phương pháp đo quang dùng metylen xanh		TCVN 6637:2000	0,05 mg/l
8.	Xác định hàm lượng amoni – phương pháp trắc phổ thao tác bằng tay		TCVN 6179-1:1996	0,03 mg/l
9.	Xác định hàm lượng Amoni – phương pháp chưng cất và chuẩn độ		TCVN 5988:1995	0,2 mg/l
10.	Xác định hàm lượng Sắt – phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1.10 - phenatrolin		TCVN 6177:1996	0,17 mg/l

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)
11.	Xác định hàm lượng Mangan – phương pháp trắc quang dùng fomaldoxim	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6002:1995	0,03 mg/l
12.	Xác định hàm lượng Clorua – phương pháp chuẩn độ bạc nitrat với chỉ thị cromat (phương pháp MO)		TCVN 6194:1996	2 mg/l
13.	Xác định tổng chất rắn hòa tan		QTĐ.14	0÷1.999 mg/l
14.	Xác định Natri - phương pháp đo phổ phát xạ ngọn lửa		TCVN 6196-3:2000	0,4 mg/l
15.	Xác định Kali - phương pháp đo phổ phát xạ ngọn lửa		TCVN 6196-3:2000	0,4 mg/l
16.	Xác định hàm lượng Canxi - phương pháp chuẩn độ EDTA		TCVN 6198:1996	1 mg/l
17.	Xác định hàm lượng Magie - phương pháp chuẩn độ EDTA		TCVN 6224:1996 TCVN 6198:1996	1 mg/l
18.	Xác định hàm lượng Đồng - phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa		SMEWW 3111B:2017	0,02 mg/l
19.	Xác định hàm lượng Kẽm - phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa		SMEWW 3111B:2017	0,10 mg/l
20.	Xác định Crom (VI) - phương pháp đo phổ dùng 1,5 diphenylcacbazid		TCVN 6658:2000	4 µg/l
21.	Xác định hàm lượng Cadimi - phương pháp quang phổ hấp thụ nguyên tử ngọn lửa		SMEWW 3111B:2017 SMEWW 3113B:2017	0,001 mg/l

TT	Tên chỉ tiêu/phép thử	Lĩnh vực	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện (nếu có)
22.	Xác định Sunfat - Phương pháp trọng lượng sử dụng bariclorua	Nước uống đóng chai, nước khoáng thiên nhiên đóng chai, đá thực phẩm	TCVN 6200:1996	0,7 mg/l
23.	Xác định Cyanua - Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử		SMEWW 4500-CN^-.C&E:2017	7,0 µg/l